

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI BIÊN SOẠN CÔNG TRÌNH BÁCH KHOA TRONG ỨNG DỤNG AI

NGUYỄN HẢI LIÊN
Viện Ngôn ngữ học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

Encyclopedic works aim to provide comprehensive, systematic, and accurate accounts of fundamental knowledge about Vietnam and the wider world, covering countries, peoples, history, society, culture, and other domains. Rapid advances in artificial intelligence (AI) and large language models are transforming the methods and practices used to compile these works. This article examines the changing role of compilers, from manually compiling content to guiding the compilation process and verifying and evaluating knowledge. It also identifies challenges related to academic integrity and AI hallucinations in contemporary encyclopedic compilation. On this basis, the article proposes measures to safeguard the role of human compilers in AI-assisted compilation.

Keywords: Artificial intelligence (AI), compilers, encyclopedias, human roles.

1. Đặt vấn đề

“Công trình bách khoa là loại công trình tra cứu phản ánh tri thức của một xã hội” (Phạm Hùng Việt, 2011). Các công trình bách khoa truyền thống đã ghi chép lại và cung cấp một khối lượng tư liệu lớn về văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau, đây là sản phẩm văn hóa và là nguồn tư liệu tham khảo đáng tin cậy. Việc biên soạn các công trình này đòi hỏi phải tuân thủ các nguyên tắc về tính chính xác, tính thống nhất và tính chuẩn mực. Sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo (AI) làm thay đổi phương thức biên soạn truyền thống, giúp người biên soạn nâng cao khả năng tổng hợp và xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI cũng đặt ra những thách thức và rủi ro về hiện tượng “ảo giác” thông tin. Bài viết tập trung phân tích đánh giá vai trò của người biên soạn, từ người thực hiện thủ công sang chức năng định hướng, kiểm soát và thẩm định tri thức. Bên cạnh đó, bài viết còn nhấn mạnh việc kiểm soát quy trình công nghệ nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa và tri thức bản địa, góp phần xác định vai trò của người biên soạn công trình bách khoa khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nhằm bảo đảm tính chính xác, của các công trình bách khoa trong kỷ nguyên AI.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn

Bách khoa toàn thư được xác định là sách chủ yếu để phục vụ cho giáo dục, tự học, tự bồi dưỡng một cách có hệ thống, toàn diện và cơ bản những vấn đề quan trọng của thời đại (Hà Học Trạc, 2004)

Trí tuệ nhân tạo (AI) “là việc phát triển các hệ thống máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Ảo giác AI là hiện tượng trong đó, ở một mô hình ngôn ngữ lớn (LLM), thường là chatbot AI tạo sinh hoặc công cụ thị giác máy tính, nhận biết các mẫu hoặc đối tượng không tồn tại hoặc không thể nhận biết được đối với người quan sát, tạo ra các kết quả vô nghĩa hoặc hoàn toàn không chính xác (IBM, 2024).

Đạo đức nghề nghiệp là các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền quy định (Quốc hội, 2025).

Email: hailienvass@gmail.com

Con người có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, không có nguồn lực nào thay thế được con người. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

2.2. Vai trò của người biên soạn công trình bách khoa trong kỷ nguyên AI

2.2.1. Vai trò của người biên soạn công trình bách khoa truyền thống

Các công trình bách khoa thư là phương tiện học tập, nghiên cứu, có yêu cầu cao về tính khoa học nên đòi hỏi tri thức phải chuẩn mực, chính xác, đáng tin cậy về các khái niệm, sự kiện, hiện tượng, nhân vật, ... (Phạm Hùng Việt, 2011, tr.165). Trong quá trình biên soạn các công trình bách khoa, người biên soạn có vai trò quyết định, từ khâu lựa chọn tư liệu, biên soạn, biên tập đến hoàn chỉnh bản thảo.

Để thu thập tư liệu, người biên soạn phải xác định được nguồn tư liệu, lập ngân hàng dữ liệu. Trực tiếp đến các thư viện, bảo tàng, ... để tìm tư liệu. Tài liệu được thu thập từ các sách báo đã xuất bản, sách giáo khoa, giáo trình, các loại từ điển, có xuất xứ, các tài liệu gốc hoặc nguyên bản. Ngoài việc thu thập tư liệu bằng giấy, người biên soạn còn trực tiếp tham gia điền dã, khảo sát thực địa, đối chiếu hiện vật để phát hiện ra những sai lệch mà AI không thực hiện được. Trong khi đó, AI không thể tự đi đến bảo tàng, thư viện, các trung tâm lưu trữ để tiếp xúc với bản gốc của các văn bia, tư liệu Hán Nôm, thư tịch cổ chưa số hóa.

Sau khi tập hợp được tài liệu, người biên soạn phải kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ của tài liệu. Nguồn dữ liệu này đóng vai trò là nguyên liệu thô, nên cần phải được sàng lọc kỹ bằng phương pháp thủ công để loại bỏ những tài liệu không uy tín, không đảm bảo được tính chính xác trước khi đưa vào ngân hàng dữ liệu để chuẩn hóa tri thức. Người biên soạn là chủ thể chịu trách nhiệm về học thuật đối với độ chính xác của tri thức. Thực hiện tư duy phản biện, đánh giá các nguồn tài liệu không đảm bảo uy tín, phát hiện ra những tài liệu có thông tin sai lệch để loại bỏ. Việc tuyển chọn mục từ là nhiệm vụ quan trọng trong quy trình biên soạn. Bảng mục từ chính là xương sống của công trình nên phải đảm bảo các nguyên tắc về tính cần yếu, tính hệ thống, tính chính xác, ... Xây dựng tiêu chí tuyển chọn mục từ quyết định mục từ nào đưa vào công trình bách khoa. Thiết kế cấu trúc vi mô của mục từ, xác định thông tin tri thức về khái niệm, sự vật, hiện tượng để đưa vào mục từ, đảm bảo tính chuẩn mực, hệ thống của công trình bách khoa.

Biên soạn công trình bách khoa theo phương pháp truyền thống, con người là chủ thể chịu trách nhiệm từ thu thập tài liệu, đến hoàn thiện bản thảo. Phương thức này có ưu điểm là độ chính xác cao, nhưng lại tốn nhiều thời gian và công sức của con người bởi toàn bộ quy trình đều được thực hiện thủ công.

2.2.2. Sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo trong biên soạn các công trình bách khoa

Trong những năm gần đây, trí tuệ nhân tạo đã được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Đối với bách khoa toàn thư, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong biên soạn có những ưu điểm như: AI hỗ trợ phân tích lượng dữ liệu lớn trong một thời gian ngắn, thay vì trực tiếp đến thư viện hay các cơ sở dữ liệu để tra cứu tài liệu liên quan đến chủ đề cần nghiên cứu, người biên soạn chỉ cần truy cập vào các trang web của các thư viện, các trường đại học, các viện nghiên cứu để tìm tài liệu, việc thu thập tài liệu nhanh hơn, tìm kiếm được nhiều nguồn tài liệu từ nhiều thư viện khác nhau trong khoảng thời gian ngắn mà việc thu thập bằng phương pháp thủ công có thể bị bỏ sót. AI giúp tóm tắt và tổng hợp tài liệu liên quan đến chủ đề cần biên soạn chỉ trong thời gian vài phút. Ngoài ra, còn hỗ trợ xây dựng khung cấu trúc của công trình nhanh chóng, theo quy tắc, thể lệ mà người biên soạn đã đề ra. Nhờ có sự trợ giúp của AI, người biên soạn đã giảm được thời gian thu thập, tóm tắt và tổng hợp tài liệu, tăng hiệu suất làm việc ở công đoạn xử lý dữ liệu thô, rà soát lỗi chính tả, chuẩn hóa định dạng trích dẫn. AI đã trở thành trợ lý, giúp giải phóng sức lao động. Người biên soạn thực hiện xây dựng kho dữ liệu chuẩn từ các tư liệu có nguồn gốc rõ ràng để phục vụ cho việc huấn luyện và vận hành các hệ thống AI.

Tạo ra câu lệnh để định hướng cho AI, lồng ghép các yêu cầu về nguồn tư liệu và các rào cản văn hóa vào cấu trúc câu lệnh. Thông qua việc chuyển hóa các quy tắc, thể lệ biên soạn mục từ thành hệ thống câu lệnh kèm theo các yêu cầu về văn phong, ngữ cảnh, ưu tiên sử dụng các khái niệm mang tính đặc

thù văn hóa của Việt Nam để định hướng, giới hạn, buộc AI phải vận hành trong khuôn khổ tri thức đã được xây dựng, đảm bảo các mục từ được biên soạn theo đúng cấu trúc đã được thiết kế từ đầu, mà không tự do suy luận theo nguồn dữ liệu sẵn có của hệ thống.

Như vậy, việc sử dụng AI trong biên soạn công trình bách khoa đã tiết kiệm được thời gian và nguồn nhân lực, để thực hiện chức năng kiểm tra thông tin và đi khảo sát, điền dã. Dữ liệu do AI tạo ra cần phải được đối chiếu kỹ lưỡng với tài liệu gốc, tài liệu tin cậy và các tài liệu từ nguồn lưu trữ chính thống. Vai trò của người biên soạn rất quan trọng trong việc đảm bảo tính chính xác của nội dung do AI tạo ra, thực hiện đối chiếu với tài liệu gốc để loại bỏ hiện tượng ảo giác hoặc sự sai lệch của thông tin. Việc xác định và phát huy các năng lực này là điều cần thiết để con người duy trì vai trò trung tâm trong xã hội công nghệ và định hướng khi sử dụng AI.

Sự thành công của phương thức biên soạn các công trình bách khoa khi có sự kết hợp với AI phụ thuộc vào năng lực thẩm định của chuyên gia. AI chỉ là công cụ tạo ra dữ liệu thô, còn giá trị khoa học của công trình do chuyên gia đối chiếu với thực tế điền dã và tài liệu gốc. Con người giữ vai trò trung tâm trong quá trình thiết kế, triển khai và giám sát các hệ thống công nghệ, đảm bảo hệ thống luôn tuân theo các khung cấu trúc được thiết kế và chuẩn mực học thuật.

2.2.3. Những thách thức đối với việc ứng dụng AI trong biên soạn công trình bách khoa

Việc ứng dụng AI đã mang lại nhiều ưu thế trong xử lý dữ liệu, nhưng đồng thời cũng tạo ra những điểm mù về mặt học thuật mà vai trò chủ thể của người biên soạn không thể thay thế, cụ thể: do AI vận hành dựa trên các mô hình xác suất thống kê, hoàn toàn không hiểu bối cảnh văn hóa, xã hội. Vấn đề đáng quan tâm hiện nay là “hiện tượng ảo giác tri thức”. Nhiều thông tin do AI tạo ra rất trơn tru, mạch lạc nhưng khó kiểm chứng nguồn gốc và độ chính xác. AI có thể tạo ra dữ liệu hoặc trích dẫn giả mạo. Nature (2023) và Science (2023) đã cảnh báo rằng tác giả phải kiểm chứng toàn bộ tài liệu tham khảo để tránh sai lệch nghiêm trọng (Đào Trung Hiếu, 2025). Các khảo sát cho thấy tỷ lệ ảo giác AI trong văn bản khoa học dao động từ 15-40%. (Nguyễn Thành Tô và cộng sự, 2025). Đặc biệt, nghiên cứu của Chelli et al., (2024) chỉ ra tỷ lệ sai sót khi trích dẫn tài liệu của một số công cụ như Bard có thể lên tới 91,4% (Chelli et al., 2024).

Các công cụ AI phần lớn do các tập đoàn công nghệ huấn luyện chủ yếu trên nền tảng văn hóa phương Tây, AI có xu hướng đồng nhất hóa thông tin, nên khi biên soạn các mục từ về lịch sử, văn hóa, di sản hay các vấn đề về Việt Nam, AI dễ dàng bỏ qua hoặc làm sai lệch các bối cảnh văn hóa và tri thức bản địa mang tính đặc thù. AI không chịu trách nhiệm về độ tin cậy của tri thức được công bố trước hội đồng thẩm định. Khi AI được sử dụng để tạo nội dung, nguy cơ đạo văn tinh vi, trích dẫn giả mạo và sự lệ thuộc vào tư duy máy móc (Đào Trung Hiếu, 2025). Các vấn đề liên quan đến quyền tác giả và đạo văn, tranh luận về quyền sở hữu trí tuệ và nhiều rủi ro khác cần được kiểm soát chặt chẽ. Điều này đòi hỏi phải xác định vị thế của con người với vai trò là chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng về tri thức được tạo ra và bảo đảm liêm chính khoa học.

Những phân tích trên cho thấy, trí tuệ nhân tạo là một công cụ làm tăng hiệu suất công việc, nhưng không thể thay thế tư duy phản biện, năng lực thẩm định văn hóa và trách nhiệm đạo đức. Một số tổ chức đã khẳng định: AI không được coi là tác giả và trách nhiệm cuối cùng thuộc về con người.

Trước những thách thức trong việc ứng dụng AI, con người cần giữ vai trò trong việc kiểm tra tính chính xác của các tri thức và giám sát hoạt động của các hệ thống AI.

Sự khác biệt giữa người sử dụng AI thông thường và người sử dụng có định hướng AI là: người dùng AI thông thường có xu hướng khoán trắng tư duy cho công nghệ và chấp nhận các kết quả do AI tạo ra, coi AI là người viết thay, dẫn đến sự lệ thuộc và suy giảm tư duy phản biện; người sử dụng có định hướng AI, chỉ coi AI là trợ lý giúp việc, con người tập trung vào thiết kế bộ lọc học thuật đa tầng. Giữ vai trò là người kiểm tra, thẩm định, chịu trách nhiệm cuối cùng. Sử dụng các hệ thống câu lệnh định hướng AI thực hiện theo cấu trúc đã thiết lập, đảm bảo liêm chính học thuật.

2.3. Ứng dụng thực tiễn trong biên soạn công trình bách khoa hiện nay

Từ vai trò của người biên soạn trong kỷ nguyên AI, chúng tôi đã ứng dụng vào thực tiễn biên soạn Từ điển bách khoa về nhạc cụ truyền thống. Người biên soạn có thể sử dụng AI để thu thập tài liệu bằng cách truy cập vào trang web của các thư viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học, trên mạng Internet..., tổng hợp tài liệu từ các sách giáo khoa, giáo trình, từ điển, bài tạp chí có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Sau đó, loại bỏ những tài liệu không có uy tín ngay từ ban đầu, tập hợp vào kho dữ liệu. Xây dựng các câu lệnh giúp định hướng cho AI tuân thủ các nguyên tắc, thể lệ biên soạn, quy tắc chính tả ngay từ ban đầu, đảm bảo sự nhất quán về mặt khoa học cho toàn bộ công trình. Ví dụ, đặt câu lệnh là “tìm tên gọi khác của đàn Bầu”, “tên gọi các dân tộc, các vùng, miền theo các văn bản quy định hiện hành”, hoặc “chỉ sử dụng dữ liệu từ thư tịch cổ đã được số hóa” sau đó kiểm tra nguồn tư liệu có tin cậy không, nhà xuất bản có đầy đủ hoặc tạp chí có rõ ràng không, đối với những tư liệu không rõ ràng thì có thể loại bỏ luôn từ ban đầu. Thực hiện kiểm tra, đối chiếu nội dung do AI tạo ra với nguồn tư liệu đã xây dựng, loại bỏ các thông tin sai lệch, không chính xác. Đây là khâu thẩm định chuyên môn, người biên soạn phải kiểm tra, đối chiếu thật kỹ lưỡng để đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm về nội dung công trình trước khi chuyển sang bước nghiệm thu cuối cùng.

2.4. Một số đề xuất nhằm bảo vệ và phát huy vai trò của người biên soạn khi ứng dụng AI

Thứ nhất, xây dựng kho dữ liệu tri thức chuẩn hóa, mang bản sắc văn hóa Việt Nam. Người biên soạn thiết lập cơ sở dữ liệu uy tín, chính xác từ thư tịch cổ, giáo trình, sách giáo khoa, hiện vật, văn bản đã qua kiểm định. Giúp định hướng AI vận hành trong khuôn khổ tri thức chuẩn mực, phản ánh đúng tri thức bản địa và hạn chế định kiến văn hóa ngoại lai.

Thứ hai, chuẩn hóa kỹ năng tạo câu lệnh và điều khiển AI. Nâng cao năng lực cho người biên soạn, chuyển hóa các thể lệ, quy tắc biên soạn mục từ thành hệ thống câu lệnh có tính định hướng chặt chẽ. Buộc AI phải tạo nội dung trong phạm vi dữ liệu cho phép, giảm thiểu khả năng AI tự do suy luận hay phát sinh “ảo giác” thông tin.

Thứ ba, thực hiện đối chiếu, thẩm định so với tư liệu gốc. Khẳng định vai trò không thể thay thế của người biên soạn thông qua việc trực tiếp khảo sát thực địa, điền dã, đối chiếu hiện vật và xác minh với các nguồn tư liệu gốc. Dữ liệu do AI tạo ra phải qua khâu rà soát, phản biện và thẩm định thủ công trước khi đưa vào bản thảo chính thức.

Thứ tư, xây dựng quy định về Liêm chính học thuật và trách nhiệm pháp lý. Đề xuất ban hành các quy định về việc sử dụng AI trong biên soạn các công trình bách khoa, khẳng định AI là công cụ hỗ trợ, người biên soạn giữ vai trò chủ thể, chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt học thuật, pháp lý và tính chính xác của công trình trước hội đồng thẩm định và công chúng.

Thứ năm, đào tạo, nâng cao năng lực số và đạo đức nghề nghiệp cho người biên soạn. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu giúp người biên soạn vừa làm chủ các công cụ công nghệ mới, vừa nâng cao tư duy phản biện và đạo đức trong nghiên cứu. Qua đó, người biên soạn chuyển dịch từ người làm thủ công sang người định hướng, kiểm soát và thẩm định tri thức trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào biên soạn các công trình bách khoa là xu thế tất yếu của sự phát triển, nhằm tối ưu hóa nguồn lực trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, đi kèm với những cơ hội là những thách thức và rủi ro, nên chúng ta không thể phụ thuộc hoàn toàn vào tư duy của công cụ. Giá trị bền vững của tri thức chỉ được bảo toàn khi người biên soạn thực hiện vai trò trong việc xây dựng hệ thống các câu lệnh chuẩn để định hướng cho công cụ AI, rà soát và đối chiếu chặt chẽ với nguồn tư liệu gốc để đảm bảo tính chính xác của toàn bộ công trình. Đây không phải là sự thay thế của công nghệ đối với con người, mà là sự nâng tầm vai trò của người biên soạn trong thời đại công nghệ số. Con người giữ vai trò trung tâm trong việc quyết định quy trình ứng dụng AI.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*.
Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập I). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 136, 143, 215.
Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*. Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/bo-chinh-tri-ban-bi-thu-ban-chap-hanh-trung-uong/dai-hoi-dang/lan-thu-xiv/bao-cao-tong-ket-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-cong-cuoc-doi-moi-theo-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-trong-40-nam-q.html>.
Đào Trung Hiếu (2025). *Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học: cơ hội, thách thức và vấn đề liêm chính học thuật*. Nguồn: <https://vjol.info.vn/jshou/article/view/119787/99675>.
Hà Học Trạc (2004). *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*. NXB Từ điển Bách khoa.
Nguyễn Thành Tô và cộng sự (2025). *Sử dụng AI có trách nhiệm trong nghiên cứu và công bố khoa học: Từ ChatGPT đến các công cụ AI thế hệ mới*. Nguồn: <https://jshou.edu.vn/houjs/article/view/666/543>.
Phạm Hùng Việt (2012). *Lý luận, phương pháp luận từ điển học và bách khoa thư*. NXB Khoa học Xã hội.
Quốc hội (2025). *Luật Viên chức*. Luật số 129/2025/QH15, ngày 10/12/2025.
Chelli, M. (2024). Hallucination rates and reference accuracy of ChatGPT and Bard for systematic reviews: Comparative analysis. *Journal of Medical Internet Research*, 26, e53164. doi.org.
IBM (2024). *What are AI hallucinations?* IBM Think. <https://www.ibm.com/think/topics/ai-hallucinations>.

KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA KHÔNG GIAN VĂN HÓA...

Tiếp theo trang 174

4. Kết luận

Không gian văn hóa công cộng chiêng Tây Nguyên chứa đựng những giá trị tiêu biểu về lịch sử, nghệ thuật, tâm linh, cộng đồng và bản sắc văn hóa tộc người. Đây là nguồn học liệu giàu tiềm năng để tổ chức HĐTN cho HS tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc khai thác di sản trong HĐTN không chỉ giúp HS mở rộng hiểu biết về văn hóa Tây Nguyên mà còn bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức tôn trọng sự đa dạng văn hóa và trách nhiệm bảo vệ di sản. Thông qua các hoạt động quan sát, giao lưu với nghệ nhân, thực hành, thảo luận và sáng tạo sản phẩm, HS có điều kiện phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo và thiết kế, tổ chức hoạt động. Để đạt hiệu quả giáo dục, quá trình thiết kế cần xuất phát từ yêu cầu cần đạt của chương trình; lựa chọn giá trị di sản phù hợp với đặc điểm lứa tuổi; bảo đảm tính xác thực văn hóa, an toàn và khả thi; đồng thời phát huy vai trò của nghệ nhân và cộng đồng chủ thể. Quy trình 6 bước cùng chủ đề minh họa “Âm vang đại ngàn” được đề xuất trong nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo cho GV khi xây dựng HĐTN gắn với văn hóa công cộng.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*.
Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
Lưu Trần Tiêu (2019). *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa công cộng chiêng Tây Nguyên vì sự phát triển bền vững*. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (415). <https://vanhoanghethuat.vn/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa-cong-chieng-tay-nguyen-vi-su-phat-trien-ben-vung-77749432.html>, ngày 16/01/2019.
Nguyễn Thanh Bình, Trần Văn Hiếu (2026). Giáo dục di sản văn hóa cho học sinh tiểu học theo tiếp cận trải nghiệm: Một nghiên cứu tổng quan. *Tạp chí Giáo dục*, 26 (Số đặc biệt 6), 264-273.
Nguyễn Văn Hạnh (2017). Học tập trải nghiệm: Một lý thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong đào tạo theo năng lực. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 14(1), 179-187. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.1.169\(2017\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.1.169(2017))
Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
Quốc hội (2024). *Luật Di sản văn hóa*. Luật số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024.
UNESCO. (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*. <https://ich.unesco.org/en/convention>.
Viện Văn hóa - Thông tin (2006). Những giá trị cơ bản của Không gian văn hóa công cộng chiêng Tây Nguyên. *Tạp chí Di sản văn hóa*, 1(14), 12-17.
Vũ Thị Lan Anh (2024). Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 69(5), 55-65. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2024-0117>.